

Bản án số: 13/2020/DS -PT
Ngày 15 - 5 - 2020
V/v: Tranh chấp chia thừa kế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Hưng

Các Thẩm phán: Ông Vũ Thành Long

Ông Phạm Trung Thực

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên: Bà Nguyễn Thị Anh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 12/5/2020 và ngày 15/5/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2019/TLST-DS ngày 09 tháng 12 năm 2019 về Tranh chấp chia thừa kế.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2019/DS -ST ngày 29/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xử số: 13/2020/QĐXXPT- DS ngày 05/02/2020; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 20/2020/QĐ ngày 22/4/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

- Ông Quách Văn Đ, sinh năm 1963

- Bà Quách Thị N, sinh năm 1954

- Ông Quách Văn D, sinh năm 1957

- Bà Quách Thị L, sinh năm 1968

Cùng trú tại: Thôn V, xã Q, huyện P, tỉnh Hưng Yên.

- Bà Quách Thị L1, sinh năm 1946; trú tại: Thôn T, xã T, huyện P, tỉnh Hưng Yên.

- Bà Quách Thị K, sinh năm 1970; trú tại: Thôn T, xã Q, huyện P, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện cho nguyên đơn theo ủy quyền: Ông Quách Văn Đ, sinh năm 1963; trú tại: Thôn V, xã Q, huyện P, tỉnh Hưng Yên (có mặt tại phiên tòa).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Nguyễn

Văn Thanh – Công ty luật TNHH Thanh Vân 89 và cộng sự, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội (có mặt tại phiên tòa).

Bị đơn: Ông Quách Văn H, sinh năm 1964 (vắng mặt tại phiên tòa).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người đại diện cho bị đơn theo ủy quyền: Bà Phạm Thị H1, sinh năm 1966 (có mặt tại phiên tòa).

Đều trú tại: Thôn V, xã Q, huyện P, tỉnh Hưng Yên.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Trần Đại Phong – Công ty luật TNHH Khang Thái, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội (có mặt tại phiên tòa).

Người kháng cáo: Ông Quách Văn H.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Phù Cừ, các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn trình bày:

Cụ Quách Văn C và cụ Phạm Thị B (tên gọi khác C) sinh được 8 người con gồm: Bà Quách Thị N (tên gọi khác C), bà Quách Thị N, ông Quách Văn D, bà Quách Thị L, bà Quách Thị K, bà Quách Thị L, ông Quách Văn Đ và ông Quách Văn H. Bà N không có chồng con gì.

Cụ Cát mất năm 1994, cụ Bắc mất năm 2007, bà Nam mất năm 2006. Khi mất cụ Cát, cụ Bắc và bà Nam không có di chúc gì.

Cụ C và cụ B khi chết để lại khối di sản là diện tích đất ở 278 m² tại thửa số 50, tờ bản đồ 01 thuộc thôn V, xã Q, huyện P, tỉnh Hưng Yên, trên đất không có tài sản gì. Sau khi cụ C, cụ B mất thì ông H quản lý, sử dụng từ năm 2007 đến khoảng 2014 thì ông H không ở đó nữa mà chuyển đi chỗ khác. Ông H là người đóng thuế đất từ năm 2007 cho đến nay.

Bà N để lại khối di sản là 190 m² đất ở tại thửa số 52, tờ bản đồ 01 thuộc thôn V, xã Q, huyện P, tỉnh Hưng Yên, trên đất không có tài sản gì. Sau khi bà N mất anh em bà N thống nhất giao cho ông D là người quản lý đất của bà N, ông D là người đóng thuế đất từ năm 2006 cho đến nay.

Theo nguyên đơn trình bày thì năm 2016, do ông H có hành vi xúc đất của cụ C, cụ B và của bà N nhưng không được sự đồng ý của anh em vì anh em ông H muốn xây nhà thờ cho bố mẹ, ông H không đồng ý vì vậy xảy ra tranh chấp, UBND xã Quang Hưng, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên đã nhiều lần giải quyết nhưng không có kết quả vì vậy bà N, ông D, bà L, bà K, bà L, ông Đ đã khởi kiện yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ C, cụ B và bà N.

Quan điểm của nguyên đơn là đề nghị chia di sản thừa kế của cụ C, cụ B và bà N đều cho tất cả 07 người gồm: Bà Quách Thị N, ông Quách Văn D, bà Quách Thị L, bà Quách Thị K, bà Quách Thị L, ông Quách Văn Đ và ông Quách Văn H. Phần của những nguyên đơn gồm: bà Quách Thị N, ông Quách Văn D, bà Quách Thị L, bà Quách Thị K, bà Quách Thị L, ông Quách Văn Đ, nguyên đơn xin được hưởng bằng đất, cả 06 nguyên đơn chung lại một mảnh chứ không chia theo phần cho từng người một.

Về biên bản kế tự và bản sao đơn xin quyền thừa kế do bà Phạm Thị H1 là người đại diện cho ông Quách Văn H cung cấp cho Tòa án, đại diện cho nguyên đơn trình bày: Về biên bản thừa kế tự: Khi lập biên bản này bà N vẫn chưa mất, anh em ông Đ lập biên bản với mong muốn nếu ông H thực hiện được những nội dung ghi trong biên bản thì ông H được hưởng tài sản của bà N. Sau khi bà N mất ông H đã không thực hiện được các nội dung này nên ngay tuần đầu bà N, anh em ông Đ đã họp gia đình có sự chứng kiến của họ hàng để hủy bỏ văn bản này.

Về đơn xin quyền thừa kế: Đại diện nguyên đơn khẳng định không có biên bản này vì hiện tại đất của cụ C, cụ B vẫn đứng tên cụ C, cụ B chứ chưa sang tên cho ai. Do vậy đại diện nguyên đơn không chấp nhận biên bản này mà đề nghị Tòa án vẫn chia di sản của cụ C, cụ B theo quy định của pháp luật về thừa kế.

Đại diện nguyên đơn đã được Tòa án giải thích về việc tính công sức trông coi, tu tạo di sản của cụ C, cụ B và bà N để lại nhưng nguyên đơn không yêu cầu phải tính công sức trông coi, tu tạo di sản và không yêu cầu được chia công sức trông coi, tu tạo di sản của cụ C, cụ B và bà N.

Ngoài ra nguyên đơn không còn yêu cầu nào khác.

Bà Phạm Thị H1, là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và đại diện cho bị đơn trình bày: Bà H1 là vợ ông Quách Văn H, bà H1 chấp nhận việc ủy quyền của ông Quách Văn H và chịu trách nhiệm về việc nhận ủy quyền của mình.

Theo bà H1 thì ngày 02/12/1988, cụ C đã chia đất cho ông H nên đề nghị Tòa án thực hiện theo đúng sơ đồ mà cụ C đã chia cho ông H.

Vào năm 2000, cụ B đã làm giấy tờ cho vợ chồng bà H1 toàn bộ diện tích đất này. Khi cho đất, cụ B nhờ ông Vũ Công T ở xóm 4, thôn Viên Quang, xã Quang Hưng, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên viết hộ, vợ chồng bà H1 không biết cụ B nhờ viết từ bao giờ nhưng giấy đề là Đơn xin quyền thừa kế, lập ngày 02/3/2000. Ông T hiện nay đã chết. Sau khi viết giấy xong, cụ B gọi vợ chồng bà H1 đến đưa cho giấy này và bảo là “Tao tách đất cho chúng mày” và bảo vợ chồng bà H1 ra xã để làm thủ tục. Vợ chồng bà H1 đã cầm giấy cho đất của cụ B xin xác nhận của trưởng thôn và chính quyền xã Quang Hưng. Do vậy theo bị đơn thì toàn bộ diện tích đất của cụ C, cụ B đã cho vợ chồng bà H1 từ năm 2000 cho đến nay. Việc cụ B viết giấy cho đất các anh chị em ruột ông H có biết không thì bà H1 không biết. Vợ chồng bà H1 đã quản lý, sử dụng đất này từ ngày cụ B mất cho đến nay.

Về biên bản thừa kế tự: Khi lập biên bản này bà N vẫn chưa mất, anh em ông H lập biên bản này cho đất của bà N cho vợ chồng bà H1. Sau khi bà N mất ông D nói với vợ chồng bà H1 là hủy biên bản thừa kế tự này đi. Vợ chồng bà H1 không biết ai là người quản lý đất của bà N. Từ năm 2006, ngay sau khi bà N mất thì anh em ông H đã xảy ra mâu thuẫn về đất đai. UBND xã Quang Hưng, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên đã nhiều lần giải quyết nhưng không có kết quả.

Về yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn, bị đơn có quan điểm: Đối với tài sản của cụ C, cụ B thì cụ B đã có giấy tờ cho vợ chồng bà H1 nên đây là tài sản của vợ chồng bà H1 nên không nhất trí chia thừa kế đối với tài sản của C, cụ B. Vợ chồng bà H1 không nhất trí chia thừa kế diện tích đất này nên không yêu cầu về công sức tôn tạo, trông coi, quản lý đối với diện tích đất này.

Về di sản là diện tích đất của bà N: Quan điểm của đại diện cho bị đơn là nếu ông D là anh trưởng khởi kiện thì đề nghị chia di sản thừa kế của bà N đều cho tất cả 07 người gồm: Bà Quách Thị N, ông Quách Văn D, bà Quách Thị L, bà Quách Thị K, bà Quách Thị L, ông Quách Văn Đ và ông Quách Văn H. Phần của ông H xin được hưởng bằng đất, chia theo phần từ người lớn nhất đến người bé nhất, ai được đâu thì hưởng đấy. Vợ chồng bà H1 không có công sức tu tạo, quản lý trông coi đất của bà N nên không có yêu cầu gì.

Theo kết quả thẩm định thì tài sản tranh chấp gồm: Diện tích đất tại thửa số 50 tại tờ bản đồ số 01 bản đồ đo đạc năm 1996 ở thôn Viên Quang, xã Quang Hưng, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên.

Trên đất giáp đường có 01 gian nhà lợp ngói mái và 01 cây nhãn có đường kính 10cm.

Diện tích đất tại thửa số 52 tại tờ bản đồ số 01 bản đồ đo đạc năm 1996 ở thôn Viên Quang, xã Quang Hưng, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên.

Ông Đ là đại diện cho nguyên đơn và là người yêu cầu thẩm định, định giá tài sản không yêu cầu định giá 01 gian nhà lợp ngói mái và 01 cây nhãn có đường kính 10cm.

Tại biên bản định giá ngày 29/7/2019, Hội đồng định giá tài sản đã kết luận: Số liệu đo đạc lấy theo số liệu đo đạc của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường-Sở tài nguyên môi trường tỉnh Hưng Yên cung cấp và đo đạc thẩm định.

Hội đồng định giá biểu quyết 3/3 = 100% như sau:

Giá đất tại vị trí định giá là đất ở có giá là 800.000 đồng/1m².

Diện tích đất tại thửa số 50 tại tờ bản đồ số 01 bản đồ đo vẽ năm 1996 ở thôn Viên Quang, xã Quang Hưng, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên là 331,7 m² x 800.000 đồng/1m² = 265.360.000 đồng.

Không định giá ngôi nhà và cây nhãn trên đất.

Diện tích đất tại thửa số 52 tại tờ bản đồ số 01 bản đồ đo vẽ năm 1996 ở thôn Viên Quang, xã Quang Hưng, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên là 216,9 m² x 800.000 đồng/1m² = 173.520.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản theo tính toán của Hội đồng định giá là: 438.880.000 đồng.

Đại diện cho nguyên đơn nhất trí với kết quả định giá không có ý kiến gì.

Đại diện cho bị đơn đã được Tòa án thông báo kết quả thẩm định, định giá và xác minh nhưng có quan điểm: Đó là ông Đ yêu cầu Tòa án nên không quan tâm đến việc ông Đ yêu cầu.

Ủy ban nhân dân xã Quang Hưng, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên cung cấp:

Hiện tại trong hồ sơ địa chính, diện tích đất thửa số 50 tại tờ bản đồ số 01 bản đồ đo vẽ năm 1996 ở thôn Viên Quang, xã Quang Hưng, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên vẫn mang tên cụ C, cụ B.

Diện tích đất tại thửa số 52 tại tờ bản đồ số 01 bản đồ đo vẽ năm 1996 ở thôn Viên Quang, xã Quang Hưng, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên vẫn mang tên bà N.

Cả hai diện tích đất này đều là đất thổ cư.

Ông H không có đất ở tại địa phương.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2019/DS - ST ngày 29/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên quyết định:

Căn cứ Điều 631, 634, 635, 636, 645, 674, 675 và 676 của Bộ luật dân sự năm 2005. Khoản 1 Điều 623, điểm d khoản 4 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015 ; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 6, 26, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Quách Thị N, ông Quách Văn D, bà Quách Thị L, bà Quách Thị K, bà Quách Thị L và ông Quách Văn Đ.

2. Xác định di sản của cụ Quách Văn C và cụ Phạm Thị B (tên gọi khác C) để lại là diện tích đất ở 278 m² tại thửa số 50, tờ bản đồ 01 thuộc thôn Viên Quang, xã Quang Hưng, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên có giá trị là 222.400.000 đồng.

Xác định di sản của bà Quách Thị N (tên gọi khác C1) để lại là 190 m² đất ở tại thửa số 52, tờ bản đồ 01 thuộc thôn Viên Quang, xã Quang Hưng, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên có giá trị là 152.000.000 đồng.

3. Áng trích công sức trông nom, bảo quản, nộp thuế và công sức tu tạo đất cho vợ chồng ông Quách Văn H và bà Phạm Thị H1 trong khối di sản của cụ Quách Văn C và cụ Phạm Thị B (tên gọi khác C) là 20.000.000 đồng.

4. Giá trị di sản của cụ Quách Văn C và cụ Phạm Thị B (tên gọi khác C) còn lại để chia thừa kế là 202.400.000 đồng.

5. Tổng giá trị di sản thừa kế của cụ Quách Văn C, cụ Phạm Thị B (tên gọi khác C) và bà Quách Thị N (tên gọi khác C1) để chia thừa kế là 354.400.000 đồng.

6. Chia thừa kế theo pháp luật toàn bộ di sản của cụ Quách Văn C, cụ Phạm Thị B (tên gọi khác C) và bà Quách Thị N (tên gọi khác C1) cho bà Quách Thị N, ông Quách Văn D, bà Quách Thị L, bà Quách Thị K, bà Quách Thị L, ông Quách Văn Đ và ông Quách Văn H, mỗi người được hưởng kỹ phần thừa kế có giá trị là 50.628.571 đồng.

7. Chấp nhận sự thỏa thuận của bà Quách Thị N, ông Quách Văn D, bà Quách Thị L, bà Quách Thị K, bà Quách Thị L và ông Quách Văn Đ chia gộp chung làm một.

8. Giao cho bà Quách Thị N, ông Quách Văn D, bà Quách Thị L, bà Quách Thị K, bà Quách Thị L và ông Quách Văn Đ diện tích đất 278 m² tại thửa số 50, tờ bản đồ 01 thuộc thôn Viên Quang, xã Quang Hưng, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên, trên đất có 01 gian nhà lợp ngói mấp và 01 cây nhãn.

9. Giao cho ông Quách Văn H 190 m² đất ở tại thửa số 52, tờ bản đồ 01 thuộc thôn Viên Quang, xã Quang Hưng, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên.

(Có sơ đồ kèm theo).

10. Buộc ông Quách Văn H phải trả chênh lệch về giá trị tài sản cho bà Quách Thị N, ông Quách Văn D, bà Quách Thị L, bà Quách Thị K, bà Quách Thị L và ông Quách Văn Đ số tiền là 81.371.429 đồng.

Buộc ông Quách Văn H và bà Phạm Thị H1 phải giao diện tích đất 278 m² tại thửa số 50, tờ bản đồ 01 thuộc thôn Viên Quang, xã Quang Hưng, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên, trên đất có 01 gian nhà lợp ngói mấp và 01 cây nhãn cho bà Quách Thị N, ông Quách Văn D, bà Quách Thị L, bà Quách Thị K, bà Quách Thị L và ông Quách Văn Đ.

Buộc bà Quách Thị N, ông Quách Văn D, bà Quách Thị L, bà Quách Thị K, bà Quách Thị L và ông Quách Văn Đ phải giao diện tích đất 190 m² tại thửa số 52, tờ bản đồ 01 thuộc thôn Viên Quang, xã Quang Hưng, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên cho ông Quách Văn H.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí, quyền và nghĩa vụ thi hành án dân sự và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/11/2019, bị đơn ông Quách Văn H kháng cáo đề nghị Tòa cấp phúc thẩm:

- Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 03/2019/DS - ST ngày 29 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên.

- Không chấp nhận chia thừa kế tài sản của cụ B, cụ C vì đất này cụ B, cụ C đã cho ông H rồi.

- Đối với đất của bà N nếu ông D là anh trưởng khởi kiện thì ông H nhất trí chia thừa kế còn ông Đ không có quyền hành gì mà khởi kiện chia thừa kế.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện bị đơn kháng cáo có ý kiến: Vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Nguyên đơn có ý kiến: Nhất trí như bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên đã xét xử; không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông H, đề nghị Hội đồng xét xử theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và các đương sự đều tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định: Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Quách Thị N, ông Quách Văn D, bà Quách Thị L, bà Quách Thị K, bà Quách Thị L và ông Quách Văn Đ.

Về khối di sản của cụ C và cụ B là diện tích đất ở 278 m² tại thửa số 50, tờ bản đồ 01 thuộc thôn Viên Quang, xã Quang Hưng, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên là di sản thừa kế của cụ B và cụ C để lại.

Về khối di sản là 190 m² đất ở tại thửa số 52, tờ bản đồ 01 thuộc thôn Viên Quang, xã Quang Hưng, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên của bà N là di sản thừa kế nên ông Đ có quyền khởi kiện.

Do vậy, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Quách Văn H; đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, trên cơ sở lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của bị đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét khách quan, toàn diện tài liệu, chứng cứ của vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Kháng cáo của bị đơn Quách Văn H được làm trong thời hạn luật định và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định là hợp pháp.

[2] Căn cứ tài liệu có trong hồ sơ xác định: Về khối di sản của cụ C và cụ B là diện tích đất ở 278 m² tại thửa số 50, tờ bản đồ 01 thuộc thôn Viên Quang, xã Quang Hưng, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên. Ngày 02/12/1988, cụ C có văn bản thể hiện cụ C chỉ đề nghị chính quyền địa phương giải quyết phần đất của ông N1 là con rể chứ không phải diện tích đất liên quan đến đất của cụ C và cụ B. Trong văn bản có thể hiện một sơ đồ vẽ phần đất của cụ C, bà N có tên ông H nhưng

không có văn bản nào thể hiện cụ C chia đất cho ông H. Đơn xin quyền thừa kế, lập ngày 02/3/2000 của cụ B, văn bản này có xác nhận của UBND xã Quang Hưng. Trong văn bản chỉ có chữ ký của ông H, cụ B, theo quy định về thừa kế và chuyển quyền sử dụng đất của Bộ luật dân sự thì văn bản này không phải là di chúc và cũng không phải là giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Tại thời điểm 02/3/2000, cụ C đã mất nên một mình cụ B lập văn bản chuyển nhượng đất cho ông H là không đúng quy định của pháp luật vì sau khi cụ C mất thì tài sản của cụ C là di sản thừa kế của cụ B và các con của cụ C, cụ B. UBND xã Quang Hưng cung cấp hiện tại diện tích đất này vẫn đứng tên cụ C, cụ B trong hồ sơ địa chính, đất chưa được chuyển nhượng cho ai. Vì vậy, căn cứ các chứng cứ đã thu thập được thì có căn cứ xác định toàn bộ khối tài sản này là di sản của cụ C, cụ B để lại.

Về khối di sản là 190 m² đất ở tại thửa số 52, tờ bản đồ 01 thuộc thôn Viên Quang, xã Quang Hưng, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên của bà Nam: Đơn khởi kiện của các nguyên đơn trong đó có cả ông D, ông D ủy quyền cho ông Đ là người đại diện tham gia tố tụng. Vì vậy xác định toàn bộ khối tài sản của bà N để lại là di sản thừa kế nên ông Đ có quyền khởi kiện.

Do vậy kháng cáo của ông H không được chấp nhận và giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2019/DS - ST ngày 29 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên.

[3] Các phần quyết định sơ thẩm khác không bị kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Ông Quách Văn H kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 148; khoản 1 Điều 308; Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Quách Văn H, giữ nguyên quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2019/DS - ST ngày 29 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên như sau:

Áp dụng: Điều 631, 634, 635, 636, 645, 674, 675 và 676 của Bộ luật dân sự năm 2005. Khoản 1 Điều 623, điểm d khoản 4 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Quách Thị N ông Quách Văn D, bà Quách Thị L, bà Quách Thị K, bà Quách Thị L và ông Quách Văn Đ.

- Xác định di sản của cụ Quách Văn C và cụ Phạm Thị B (tên gọi khác C) để lại là diện tích đất ở 278 m² tại thửa số 50, tờ bản đồ 01 thuộc thôn Viên Quang, xã Quang Hưng, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên có giá trị là 222.400.000 đồng.

Xác định di sản của bà Quách Thị N (tên gọi khác C1) để lại là 190 m² đất ở tại thửa số 52, tờ bản đồ 01 thuộc thôn Viên Quang, xã Quang Hưng, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên có giá trị là 152.000.000 đồng.

- Áng trích công sức trông nom, bảo quản, nộp thuế và công sức tu tạo đất cho vợ chồng ông Quách Văn H và bà Phạm Thị H1 trong khối di sản của cụ Quách Văn C và cụ Phạm Thị B (tên gọi khác C) là 20.000.000 đồng.

- Giá trị di sản của cụ Quách Văn C và cụ Phạm Thị B (tên gọi khác C) còn lại để chia thừa kế là 202.400.000 đồng.

- Tổng giá trị di sản thừa kế của cụ Quách Văn C, cụ Phạm Thị B (tên gọi khác C) và bà Quách Thị N (tên gọi khác C1) để chia thừa kế là 354.400.000 đồng.

- Chia thừa kế theo pháp luật toàn bộ di sản của cụ Quách Văn C, cụ Phạm Thị B (tên gọi khác C) và bà Quách Thị N (tên gọi khác C1) cho bà Quách Thị N, ông Quách Văn D, bà Quách Thị L, bà Quách Thị K, bà Quách Thị L, ông Quách Văn Đ và ông Quách Văn H, mỗi người được hưởng kỹ phần thừa kế có giá trị là 50.628.571 đồng.

- Chấp nhận sự thỏa thuận của bà Quách Thị N, ông Quách Văn D, bà Quách Thị L, bà Quách Thị K, bà Quách Thị L và ông Quách Văn Đ chia gộp chung làm một.

- Giao cho bà Quách Thị N, ông Quách Văn D, bà Quách Thị L, bà Quách Thị K, bà Quách Thị L và ông Quách Văn Đ diện tích đất 278 m² tại thửa số 50, tờ bản đồ 01 thuộc thôn Viên Quang, xã Quang Hưng, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên, trên đất có 01 gian nhà lợp ngói mấp và 01 cây nhãn.

- Giao cho ông Quách Văn H 190 m² đất ở tại thửa số 52, tờ bản đồ 01 thuộc thôn Viên Quang, xã Quang Hưng, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên.

(Có sơ đồ kèm theo).

- Buộc ông Quách Văn H phải trả chênh lệch về giá trị tài sản cho bà Quách Thị N, ông Quách Văn D, bà Quách Thị L, bà Quách Thị K, bà Quách Thị L và ông Quách Văn Đ số tiền là 81.371.429 đồng.

Buộc ông Quách Văn H và bà Phạm Thị H phải giao diện tích đất 278 m² tại thửa số 50, tờ bản đồ 01 thuộc thôn Viên Quang, xã Quang Hưng, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên, trên đất có 01 gian nhà lợp ngói mấp và 01 cây nhãn cho bà Quách Thị N, ông Quách Văn D, bà Quách Thị L, bà Quách Thị K, bà Quách Thị L và ông Quách Văn Đ.

Buộc bà Quách Thị N, ông Quách Văn D, bà Quách Thị L, bà Quách Thị K, bà Quách Thị L và ông Quách Văn Đ phải giao diện tích đất 190 m² tại thửa số 52, tờ bản đồ 01 thuộc thôn Viên Quang, xã Quang Hưng, huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên cho ông Quách Văn H.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Các phần quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Án phí phúc thẩm: Ông Quách Văn H phải chịu 300.000đ, (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 005895 ngày 08/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Cù, tỉnh Hưng Yên; ông H đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- TAND huyện Phù Cù;
- VKSND huyện Phù Cù;
- Chi cục THADS huyện Phù Cù;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; VP; Tòa HC.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỤC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tuấn Hưng

